TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
Bản án số 20/2019/HNGĐ - ST
Ngày 28/8/2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Kim Thành.
2. Bà Dương Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Toà án nhân dân quận S thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S tham gia phiên toà: Ông Đoàn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28.8 .2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Số 25 Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: bà **Mai Thị Phương T** - Sinh năm 1985; Nơi cư trú: 1189 đường Ngô Quyền, quận S, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Võ Văn D** - Sinh năm 1984; Địa chỉ: số 30 đường Lý Thánh Tông, quận S, TP. Đà Nẵng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn - bà Mai Thị Phương T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Văn D kết hôn vào năm 2004, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường A cấp ngày 09 tháng 11 năm 2004). Thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và năm 2018 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do chồng tôi ham cờ bạc, không có trách nhiệm với gia đình; vợ chồng không còn hòa hợp, không có tiếng nói chung; tôi đã cố gắng níu kéo, hàn gắn tình cảm vợ chồng vì các con nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tôi xác định vợ chồng tôi không còn tình cảm gì với nhau nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Võ Văn D.

- Về con chung: tôi và ông Võ Văn D có 02 con chung là Võ Mai Lâm V, sinh ngày 07/8/2004 và Võ Mai Nhã L, sinh ngày 17/11/2005. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được nuôi cả 2 con, không yêu cầu ông Võ Văn D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

* Ông Võ Văn D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án nên không thu thập được lời khai của ông trong hồ sơ vụ án, ông cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

* Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với các bên đương sự, nguyên đơn là bà Mai Thị Phương T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Riêng bị đơn là ông Võ Văn D liên tục vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại các phiên tòa xét xử nên chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của của bà Mai Thị Phương T đối với ông Võ Văn D.

- Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 giao hai con chung Võ Mai Lâm V, sinh ngày 07/8/2004 và Võ Mai Nhã L, sinh ngày 17/11/2005 cho bà Mai Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: bà Mai Thị Phương T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không đề cập đến.

- Về nợ chung: bà Mai Thị Phương T xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Võ Văn D thì không có mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Mai Thị Phương T đối với ông Võ Văn D là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn là ông Võ Văn D vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mai Thị Phương T và ông Võ Văn D kết hôn năm 2004. Hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường A cấp ngày 09 tháng 11 năm 2004). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của bà Mai Thị Phương T, HĐXX thấy rằng:

Trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông Võ Văn D vắng mặt, không thu thập được lời khai của ông, nhưng qua lời trình bày của bà Mai Thị Phương T và qua xác minh tại địa phương thì được biết ông bà đã phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2018, ông D thì về sống với cha mẹ ông còn bà T và các con vẫn sống tại 1189 đường Ngô Quyền, quận S. Mặc dù mâu thuẫn của ông bà xảy ra trong nội bộ gia đình, không gây gỗ ồn ào nhưng việc ông bà chọn giải pháp sống mỗi người một nơi chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, nếu cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay thì không đạt được mục đích. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập đối với ông Võ Văn D nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông D không hợp tác chứng tỏ ông D không có thiện chí với việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó,

HĐXX thấy nên căn cứ các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Phương T là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Mai Thị Phương T và ông Võ Văn D có 02 con chung là cháu Võ Mai Lâm V, sinh ngày 07/8/2004 và cháu Võ Mai Nhã L, sinh ngày 17/11/2005.

Khi ly hôn, nguyện vọng của bà Mai Thị Phương T là được nuôi cả 2 con, không yêu cầu ông Võ Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà T thì thấy trong quá trình vợ chồng mâu thuẫn với nhau, ông bà mỗi người sống một nơi thì các con chung của ông bà vẫn sống cùng với bà T, các cháu học hành và phát triển tốt; bản thân ông D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt chứng tỏ ông cũng không tha thiết gì đến việc nuôi con. Khi được hỏi ý kiến các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, HĐXX thấy cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao các con chung của ông bà là Võ Mai Lâm V và Võ Mai Nhã L cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con nên ông D không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Mai Thị Phương T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: bà Mai Thị Phương T xác định vợ chồng không có nợ chung, ông Võ Văn D thì không có mặt tại phiên tòa nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên HĐXX không đề cập giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án" thì bà Mai Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu số 0007806 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Phương T đối với ông Võ Văn D.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị Phương T được ly hôn với ông Võ Văn D (Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01 do UBND phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 09 tháng 11 năm 2004).

2. Về con chung: Giao hai con chung Võ Mai Lâm V, sinh ngày 07/8/2004 và Võ Mai Nhã L, sinh ngày 17/11/2005 cho bà Mai Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu Võ Mai Lâm V và Võ Mai Nhã L đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích con chung các bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Phương T phải chịu án phí hôn nhân gia đình 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu số 0007806 ngày 09/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát q. S*
- *Những người tham gia tố tụng*
- *UBND phường A , q. S*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Phước Hòa